

KẾ HOẠCH

Triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới cho năm 2017 và giai đoạn 2016 - 2020

Thực hiện Chỉ thị số 36/CT-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc đẩy mạnh thực hiện hiệu quả, bền vững Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020”; Nghị quyết 01-NQ/TU ngày 27/10/2010 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020; Chỉ thị số 07-CT/TU ngày 27/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 7819/KH-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh về việc triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Kết luận số 03-KL/BCĐ-TU ngày 19/12/2016 của Ban Chỉ đạo nông thôn mới tỉnh; Kế hoạch số 991/KH-UBND ngày 21/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2017; Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 148/SNN-PTNT ngày 19/01/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT về Thực hiện lộ trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định 4318/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017.

Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng Kế hoạch triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới cho năm 2017 và giai đoạn 2017 - 2020 theo lĩnh vực ngành như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Bám sát phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vừa chủ đề công tác năm 2017, để từ đó xây dựng các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cho ngành, tập trung quán triệt sâu sắc tới toàn thể cán bộ công chức, viên chức, người lao động bám sát và nghiêm túc triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được phân công; tiếp tục tăng cường chức năng quản lý nhà nước của ngành về lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT.

2. Yêu cầu: Tập trung thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia: Chương trình xây dựng nông thôn mới và Chương trình giảm nghèo bền vững; Triển khai có hiệu quả Đề án nhiệm vụ, giải pháp đưa các xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, hoàn thành chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020.

II. MỤC TIÊU NĂM 2017 VÀ GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

2.1. Mục tiêu chung

- Xây dựng nông nghiệp, nông thôn tỉnh Quảng Ninh phát triển bền vững về

kinh tế, xã hội và môi trường nhằm: (1) Nâng cao giá trị, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp của tỉnh; (2) Cải thiện đời sống của nông dân các vùng nông thôn và giảm nghèo bền vững; (3) Bảo vệ môi trường sinh thái; xây dựng nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả với chất lượng sản phẩm cao đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng và hướng tới xuất khẩu.

- Khai thác tốt tiềm năng, nâng cao giá trị, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân, giảm nghèo bền vững, gắn với thực hiện thành công chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trong năm 2020.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Giai đoạn đến năm 2020: Duy trì tăng trưởng giá trị sản xuất ngành đạt tốc độ tăng bình quân 5 - 8%/năm giai đoạn 2016 đến năm 2020.

- Tỷ lệ dân nông thôn dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh trên 98%.

- Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định tỷ lệ 54-55% đến năm 2020 đồng thời nâng cao chất lượng rừng và Phát triển bền vững.

- Tổng sản lượng lương thực cây có hạt trung bình năm là 234 nghìn tấn.

- Trồng 12.000 ha rừng tập trung/năm (bằng các nguồn vốn).

- Tổng sản lượng thủy sản 130 nghìn tấn (khai thác 60 nghìn tấn, nuôi trồng 70 nghìn tấn).

- Giá trị sản phẩm bình quân 01 ha diện tích đất canh tác đạt trên 120 triệu đồng/năm (theo giá hiện hành).

- Cơ cấu ngành nông nghiệp trong cơ cấu GDP của tỉnh giai đoạn 2016 đến năm 2020 là 3-4%.

- Nâng cao thu nhập và đời sống cho cư dân nông thôn, đảm bảo an ninh lương thực, góp phần giảm tỷ lệ nghèo. Thu nhập hộ gia đình nông thôn tăng gấp 2 lần so với năm 2015.

- Số xã đạt tiêu chí nông thôn mới đạt 90%; đưa các xã đặc biệt khó khăn ra khỏi diện xã khu vực III.

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn được 33.000 người.

- Tăng cường quản lý nguồn tài nguyên cho phát triển nông nghiệp, giảm phát khí thải nhà kính và các tác động tiêu cực khác đối với môi trường, khai thác tốt các lợi ích về môi trường, nâng cao năng lực quản lý rủi ro, chủ động phòng chống thiên tai, nâng tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh góp phần thực hiện định hướng tăng trưởng xanh của tỉnh.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Lĩnh vực trồng trọt

Tập trung xây dựng và phát triển các vùng sản xuất hàng hóa nông nghiệp tập trung, phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực có lợi thế của tỉnh, gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp; đẩy mạnh công tác bảo quản chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; ứng dụng công nghệ cao để nâng cao năng

suất, chất lượng nông sản, tăng hiệu quả sản xuất trên đơn vị diện tích đất nông nghiệp, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nông nghiệp.

1.1. Về phát triển lĩnh vực trồng trọt

1.1.1. Nâng cao hiệu quả, giá trị gia tăng một số sản phẩm chính

a. Nhóm cây có lợi thế cạnh tranh và tăng giá trị gia tăng lớn

- Ưu tiên phát triển những sản phẩm cây trồng làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi; rau, hoa cao cấp; những sản phẩm có lợi thế: Lúa chất lượng cao, cây ăn quả (na, vải); cây công nghiệp lâu năm (chè), cây dong riềng... đặc biệt đối với những sản phẩm đã được xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý.

- Các sản phẩm chủ lực gồm: Lúa hàng hoá chất lượng cao, lúa đặc sản, rau củ quả, Chè, Na dai, Vải chín sớm, Cam, Thanh long ruột đỏ, Dong riềng...

+ Hoàn thành đầu tư xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều.

+ Triển khai xây dựng cánh đồng lớn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2015-2018 đối với các loại cây trồng: Vùng trồng lúa, vùng trồng rau an toàn, vùng trồng hoa, vùng trồng cây Dong riềng, vùng trồng chè, vùng trồng cây ăn quả (Na, Vải chín sớm, ...).

+ Diện tích lúa cả năm là 40,5 nghìn ha, sản lượng thóc đạt trên 250 nghìn tấn/năm, năng suất bình quân đạt gần 62 tạ/ha, trong đó phát triển vùng sản xuất lúa chất lượng cao cánh đồng mẫu lớn: Thị xã Đông Triều (2.008 ha), thị xã Quảng Yên (2.200 ha).

+ Diện tích sản xuất rau đạt 11.000 ha, trong đó vùng rau tập trung với quy mô 600 ha tại thị xã Quảng Yên; thị xã Đông Triều, thành phố Cẩm Phả và huyện Bình Liêu.

+ Diện tích cây ăn quả đạt 9-12 ngàn ha, sản lượng 35-70 nghìn tấn, trong đó vùng trồng cây ăn quả tập trung, chuyên canh theo hướng sản xuất hàng hoá: Vùng trồng vải chín sớm thành phố Uông Bí (300 ha); Vùng trồng Na tại thị xã Đông Triều (970 ha); Vùng trồng Thanh Long ruột đỏ tại Đông Triều, Uông Bí (200 ha); Vùng trồng cam tại huyện Vân Đồn (400 ha).

+ Diện tích chè đạt 1.800 ha, sản lượng 16.000 tấn, trong đó vùng sản xuất chè tập trung tại huyện Hải Hà 1.365 ha. Phục tráng giống chè Bản Sen huyện Vân Đồn, quy mô phát triển năm 2020 đạt 400 ha.

+ Vùng sản xuất dong riềng nguyên liệu tại huyện Bình Liêu 300 ha, huyện Tiên Yên 440 ha phục vụ chế biến các sản phẩm tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

b. Nhóm sản phẩm tiềm năng

Phát triển diện tích hoa, cây cảnh khoảng 500 ha, sản lượng đạt 380 triệu bông hoa và 3,6 triệu cây cảnh với tổng giá trị 90 tỷ đồng vào năm 2020; xây dựng vùng trồng hoa tập trung tại thị trấn Trới, các xã: Sơn Dương, Thống Nhất, Lê Lợi, huyện Hoàn Bồ quy mô 59 ha.

c. Sản phẩm hỗ trợ phát triển ngành chăn nuôi

- Phát triển và mở rộng diện tích trồng ngô nguyên liệu thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi; đến năm 2020 là 8,65 ngàn ha, sản lượng đạt 40 ngàn tấn, trong đó vùng trồng tập trung tại huyện Hải Hà, Đầm Hà (ngô xuân, thu đông), Tiên Yên, Ba Chẽ, Bình Liêu, TP.Móng Cái. Phát triển diện tích ngô đông tại thị xã Đông Triều và thị xã Quảng Yên. Diện tích giống ngô lai có năng suất cao chiếm 80-90%. Mở rộng diện tích ngô vụ đông trên đất ruộng 2 lúa chủ động nước và một phần diện tích chuyên màu. Sản phẩm ngô hàng hoá chiếm 80 - 85% sản lượng ngô hàng năm.

- Cải tạo diện tích đồng cỏ tự nhiên và chuyển đổi một phần diện tích đất chưa sử dụng, đất trồng lúa kém hiệu quả, đất cây hàng năm và trồng xen canh với cây lâu năm để trồng cỏ chuyên canh hoặc thâm canh. Đến năm 2020 diện tích trồng cỏ đạt 3.200 ha, trồng tập trung chủ yếu tại huyện Bình Liêu và một số địa bàn vùng cao thuộc huyện Hải Hà, Đầm Hà...

1.1.2. Chuyển đổi diện tích trồng các loại cây kém hiệu quả sang những loại sản phẩm cây trồng có giá trị kinh tế cao

Chủ yếu là cây khoai lang, sắn, trong những năm tới cần giảm diện tích trồng, để chuyển sang trồng cây rau, đậu tương...có hiệu quả kinh tế cao hơn. Dự kiến giảm diện tích cây có củ khác từ 4,9 nghìn ha năm 2015 xuống còn 2,8 nghìn ha năm 2020. Trong đó cây khoai lang hiện đang là 4 nghìn ha, giảm còn 2,4 nghìn ha đến năm 2020; sắn giảm còn 400 ha năm 2020.

2. Lĩnh vực chăn nuôi

- Chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi, chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại, theo hình thức công nghiệp và công nghệ cao; phát triển ở quy mô vừa phải, phù hợp với khả năng tài chính, quản lý và xử lý môi trường. Khuyến khích loại hình sản xuất khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị.

- Phát triển mạnh công nghiệp chế biến, đa dạng hóa các sản phẩm chăn nuôi để nâng cao giá trị gia tăng.

- Áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi từ khâu giống, thức ăn đến vệ sinh an toàn dịch bệnh để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

- Tổ chức sản xuất chăn nuôi liên kết theo chuỗi giá trị để giảm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến, đa dạng hóa các sản phẩm chăn nuôi để nâng cao giá trị gia tăng.

2.1. Phát triển qui mô, giá trị theo đối tượng nuôi

- Tăng trưởng giá trị sản xuất ngành (theo giá cố định) tăng bình quân 11,8%/năm; đạt tỷ trọng 57,5% trong cơ cấu giá trị ngành nông nghiệp (ngành hẹp) vào năm 2020. Tập trung phát triển đối tượng chăn nuôi chủ lực có lợi thế của tỉnh như: phát triển chăn nuôi Bò, chăn nuôi Lợn Móng Cái, Gà Tiên Yên; số lượng đàn gia súc, gia cầm dự kiến đến năm 2010 cụ thể như sau:

+ Đàn lợn đạt 1.700 nghìn con (nuôi trang trại tập trung chiếm 80%), trong đó đàn lợn thịt chiếm khoảng 56%.

+ Đàn gia cầm 14,0 triệu con (nuôi trang trại tập trung chiếm trên 84%).

- + Tổng đàn bò 100 nghìn con (nuôi trang trại tập trung chiếm hơn 70%).
- Tổng sản lượng thịt hơi đạt trên 180 nghìn tấn, trứng 216 triệu quả.
- Giá trị tăng thêm đạt 4.562 tỷ đồng (giá hiện hành), chiếm tỷ trọng trên 61,7% trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi).
- Chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư đến năm 2020 được kiểm soát về vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường.

2.2. Sản xuất ngành chăn nuôi theo tiểu vùng

- Chuyển dịch chăn nuôi tập trung trang trại từ vùng có mật độ dân số cao đến những vùng có mật độ dân số thấp (khu vực trung du miền núi), hình thành các khu chăn nuôi tập trung xa thành phố và dân cư. Hình thành các vùng chăn nuôi trọng điểm tại các xã, huyện phù hợp với quy hoạch nhằm khai thác hiệu quả lợi thế phát triển của từng địa phương.

- + Khu vực đồng bằng phát triển các trang trại chăn nuôi gia cầm;
- + Khu vực ven biển tập trung phát triển đàn lợn, đàn gia cầm;
- + Khu vực trung du miền núi phát triển đàn đại gia súc.

2.3. Phát triển sản phẩm chủ lực và các khu chăn nuôi tập trung

2.3.1. Khu vực chăn nuôi lợn Móng Cái

Phát triển các trang trại chăn nuôi tập trung giống lợn Móng cái tại các địa phương thuộc Móng Cái, và các địa phương khác, mỗi trang trại có 1.000 lợn thịt và lợn nái với tổng diện tích khoảng trên 700 ha.

2.3.2. Vùng chăn nuôi gà đặc sản địa phương

Địa bàn phát triển tập trung chăn nuôi tại huyện Tiên Yên (Gà Tiên Yên) và một số địa phương trên địa bàn tỉnh như Đầm Hà, Ba Chẽ, Bình Liêu, Cẩm Phả, Hoành Bồ, Đông Triều, với quy mô tổng đàn đạt 5,0 triệu con.

2.3.4. Vùng chăn nuôi gia súc gia cầm tập trung

- Quy mô phát triển 1.807,4 ha.
- Địa bàn phát triển: Thị xã Đông Triều 220 ha; thị xã Quảng Yên 254 ha; thành phố Hạ Long 5,4 ha; Tp Cẩm Phả 460 ha; Ba Chẽ 400 ha; huyện Tiên Yên 150 ha; huyện Bình Liêu 150 ha; huyện Đầm Hà 58 ha; huyện Hải Hà 110 ha.
- Tập trung phát triển chăn nuôi Bò tập trung tại thành phố Móng Cái và huyện Hải Hà, Ba Chẽ, Bình Liêu.

2.4. Phát triển hệ thống giết mổ gia súc, gia cầm

- Xây dựng mới và nâng cấp: 28 cơ sở giết mổ tập trung trên địa bàn tỉnh, trong đó có 15 cơ sở giết mổ loại I; 13 cơ sở giết mổ loại II trên địa bàn toàn tỉnh.
- Phân đầu di rời 80% (696/870 cơ sở) số điểm giết mổ nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh và đưa vào các cơ sở giết mổ tập trung.
- Đảm bảo 100% gia súc, gia cầm giết mổ tại các cơ sở giết mổ tập trung phải được kiểm soát; 100% lượng thịt gia súc, gia cầm bán tại các chợ trung tâm huyện, thị xã và thành phố phải được kiểm soát, đã qua lăn dấu hoặc dán tem vệ sinh Thú y.

+ Cơ sở giết mổ loại I: Đầu tư nâng cấp, lắp đặt dây chuyền giết mổ tự động để giết mổ lợn, gia cầm, với công suất giết mổ từ 200 lợn/ngày trở lên.

+ Cơ sở giết mổ loại II: Khu vực Miền tây (04 cơ sở), Miền đông (09 cơ sở)

+ Đối với cơ sở giết mổ nhỏ lẻ khác tại các vùng sâu, xa, biên giới và hải đảo, giao cho UBND xã phường thống kê, xem xét bố trí địa điểm hợp lý và thực hiện cải tạo nâng cấp và quy gom nhưng phải đảm bảo về vệ sinh thú y và môi trường.

2.5. Lĩnh vực chế biến

- Xúc tiến xây dựng nhà máy chế biến sâu các sản phẩm giết mổ, sản phẩm trứng. Xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi (theo Dự án Quy hoạch chăn nuôi tập trung gia súc, gia cầm tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt) gắn với liên kết phát triển vùng nguyên liệu (ngô, sắn...).

- Từng bước hình thành chuỗi giá trị liên kết sản xuất từ nuôi trồng, khai thác đến chế biến thành phẩm; gắn kết nhà máy chế biến với vùng nuôi trồng, khai thác thủy sản và công tác thu mua, dịch vụ hậu cần nghề cá nhằm hình thành chuỗi giá trị sản phẩm.

3. Lĩnh vực thủy sản

3.1. Nuôi trồng thủy sản

- Phát triển NTTS theo Quyết định số 4209/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về phê duyệt phát triển ngành thủy sản tỉnh Quảng Ninh đến 2020, tầm nhìn đến 2030.

- Hình thành các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, vùng nuôi an toàn có kết cấu hạ tầng đồng bộ, ưu tiên phát triển nuôi công nghiệp cho các đối tượng nuôi xuất khẩu chủ lực, có thương hiệu, tổ chức lại sản xuất theo hướng nâng cao giá trị sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm và thân thiện với môi trường.

3.1.1. Nuôi mặn, lợ

- Mở rộng diện tích đến năm 2020 đạt 20.722 ha (trong đó: Nuôi nước ngọt 3.120 ha, nuôi mặn lợ 17.602 ha) và 10.280 ô lồng nuôi biển. Sản lượng đạt 70.000 tấn (nuôi nước ngọt đạt 12.710 tấn, nuôi mặn lợ đạt 57.290 tấn).

- Đối tượng nuôi chủ lực: Tôm chân trắng, Tôm sú, nhuyễn thể, cá biển.

+ Nuôi tôm: Phát triển vùng nuôi tôm tập trung ở các địa phương (Quảng Yên, Tiên Yên, Đầm Hà, Hải Hà, Móng Cái...). Sản lượng nuôi tôm đến năm 2020 đạt 16.450 tấn.

+ Nuôi nhuyễn thể: Tu hài, hào, ngao, sò, ốc, nghêu, trai cấy ngọc : Vân Đồn, Hải Hà, Đầm Hà, Tiên Yên, Móng Cái, Cô Tô, Vịnh Bái Tử Long, Vịnh Hạ Long. Đến năm 2020, sản lượng đạt 26.000 tấn.

+ Nuôi cá biển: Đến năm 2020, phát triển 10.280 ô lồng và 1.000 ha nuôi cá biển (Cá Song, Giò, Vược...) tại Vân Đồn, Đầm Hà, Tiên Yên, một số điểm tại Vịnh Hạ Long. Sản lượng nuôi đạt 57.290 tấn.

- Các đối tượng nuôi khác

+ Khoanh nuôi khai thác Sá sùng, Ngán, Hải Sâm, Bào Ngư, ốc: ven các

đảo Vân Đồn, Cô Tô, Đảo Trần.

+ Khai thác tiềm năng diện tích rừng ngập mặn, nhân rộng mô hình nuôi ghép bán thâm canh, phát triển nuôi một số đối tượng có giá trị kinh tế cao: Cua, Ngán...

3.1.2. Nuôi nước ngọt

- Hình thành vùng nuôi trồng tập trung, áp dụng mô hình sản xuất nông nghiệp tốt VietGap; gắn kết với việc tiêu thụ thị trường nội địa, hướng đến tạo nguồn nguyên liệu chế biến xuất khẩu.

- Đến năm 2020, diện tích nuôi nước ngọt đạt 3.120 ha, sản lượng đạt trên 12.710 tấn.

- Hình thành vùng nuôi trồng tập trung Cá rô phi (đơn tính) ở 2 địa phương: TX Đông Triều và TX Quảng Yên với tổng diện tích hiện có trên 2.025 ha (TX Đông Triều: 1.320 ha; TX Quảng Yên: 705 ha). Sản lượng đạt 9.000 tấn.

3.1.3. Cơ cấu đối tượng nuôi theo thị trường tiêu thụ

- Đối tượng xuất khẩu truyền thống: Tôm chân trắng (4.000 ha, sản lượng 16.000 tấn) và Ngọc trai.

- Đối tượng có khả năng xuất khẩu: Cá Rô phi, các loại nhuyễn thể (Hàu, Tu Hải, Ốc, Ngao).

- Đối tượng tiêu dùng nội địa: Các loại hải sản (nuôi mặn, lợ) có thị trường tiêu thụ nội địa rộng lớn đáp ứng du lịch và tiêu dùng trong nước.

3.1.4. Phát triển hệ thống các cơ sở sản xuất cung cấp giống

- Vùng sản xuất giống nước ngọt: Đầu tư sản xuất giống cá nước ngọt tại Đông Triều, Quảng Yên, Đầm Hà và Móng Cái. Trong đó tập trung ưu tiên hỗ trợ đầu tư các cơ sở sản xuất cá rô phi đơn tính.

- Vùng sản xuất giống mặn, lợ.

+ Vùng sản xuất tôm giống: Móng Cái, Đầm Hà.

+ Vùng sản xuất giống nhuyễn thể tập trung tại Vân Đồn (sản xuất giống Tu Hải, Hàu Thái Bình Dương, Bào Ngư...).

+ Vùng sản xuất giống cá biển tại Móng Cái, Đầm Hà và Hải Hà.

+ Vùng sản xuất cua giống tại Quảng Ninh, Đầm Hà, Tiên Yên.

3.2. Lĩnh vực khai thác thủy sản

- Tăng sản lượng khai thác xa bờ, đối tượng có giá trị kinh tế cao: Cá chiếm 70,7% tổng sản lượng khai thác, tôm chiếm 9,1%, mực chiếm 6,7%, nhuyễn thể chiếm 3,4% và hải sản khác chiếm 10,1% tổng sản lượng khai thác.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học trong khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản nhằm tăng sản lượng và giảm tổn thất sau thu hoạch. Lắp đặt các thiết bị an toàn hàng hải và cảnh báo thời tiết nguy hiểm, thiết bị kết nối vệ tinh cho tàu đánh bắt xa bờ kịp thời hỗ trợ, quản lý và gắn với công tác bảo vệ chủ quyền biển đảo.

- Kết hợp hài hòa giữa khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo hướng bền vững; Quy định về các nghề cấm khai thác, khu vực cấm khai thác khác có thời hạn và các quy định bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

3.2.1. Phát triển lực lượng tàu khai thác thủy sản xa bờ

+ Đầu tư đóng mới các tàu có công suất từ 400 CV - 1.000 CV trang bị hiện đại làm các nghề câu, rê, chài chụp ở vịnh Bắc Bộ.

+ Xây dựng lực lượng dân quân gắn với việc phát triển lực lượng lao động trên tàu xa bờ gắn với việc bảo vệ chủ quyền biển đảo.

+ Đến năm 2020 số lượng tàu có công suất trên 90 CV đạt 600 chiếc; Giảm lượng tàu khai thác thủy sản gần bờ.

+ Chuyển đổi nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản, dịch vụ hậu cần, du lịch và các nghề khai thác có tính chọn lọc cao, thân thiện với môi trường hoặc khai thác tại vùng lộng và vùng biển xa bờ.

3.2.2. Phát triển sản phẩm khai thác từ biển

Đến năm 2020: Cá chiếm 70,7% tổng sản lượng khai thác, tôm chiếm 9,1%, mực chiếm 6,7%, nhuyễn thể chiếm 3,4% và hải sản khác chiếm 10,1% tổng sản lượng khai thác của tỉnh (sản lượng khai thác thủy sản bao gồm sản lượng khai thác biển và khai thác từ nội địa).

3.2.3. Phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá

- Đầu tư nâng cấp cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu thuyền nghề cá hiện có, khôi phục và phát triển nghề đóng tàu thuyền, sản xuất ngư cụ truyền thống. Hình thành 3 trung tâm nghề cá và 01 trung tâm thương mại nghề cá thuộc tỉnh và hậu cần nghề cá đồng bộ gắn với ngành công nghiệp phụ trợ nhằm thúc đẩy tăng trưởng nâng cao hiệu quả sản xuất và giá trị sản phẩm khai thác, nuôi trồng, chế biến và thương mại thủy sản.

- Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật tiên tiến, công nghệ bảo quản sau thu hoạch, công nghệ vật liệu sản xuất tàu thuyền. Hình thành các đội tàu thu mua, bảo quản, chế biến thủy sản và cung ứng dịch vụ hậu cần nghề cá trên biển. Xây dựng mô hình liên kết, liên doanh, hợp tác xã, mô hình công ích tham gia chuỗi sản xuất nhằm nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm thủy sản.

- Hoàn thiện hệ thống các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão, trung tâm nghề cá đã được Chính phủ, UBND tỉnh phê duyệt như cảng cá loại I kết hợp với khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng tại Vân Đồn và Cô Tô; các cơ sở đóng mới sửa chữa tàu thuyền, các chợ thủy sản trên các đảo và các huyện ven biển nhằm hỗ trợ ngư dân khai thác hiệu quả trên các vùng biển xa bờ và hình thành kênh phân phối thủy sản ổn định.

3.2.4. Đối tượng sản phẩm xuất khẩu

- Cá xuất khẩu: Cá sống, cá đá: Cá rô phi, cá Song, cá Thu, cá Hồng.

- Mực xuất khẩu: Mực cấp đông, mực khô.

- Tôm xuất khẩu: Tôm sống, cấp đông.

- Nhuyễn thể: Hàu, Tu Hải, Ốc, Ngao....

- Ngọc trai.

3.3. Phát triển nguồn nhân lực thủy sản

- Đến năm 2020, phát triển số lao động thủy sản Quảng Ninh đạt 62.000

người trong đó lao động qua đào tạo đạt 38.560 lao động.

- Lao động có trình độ đại học 235 người; cao đẳng 825 người; trung cấp 2.310 lao động; sơ cấp 7.838 người; qua đào tạo dạy nghề 7.352 người. Lao động được tập huấn kỹ thuật đạt khoảng 20.000 người.

4. Lĩnh vực lâm nghiệp

4.1. Phát triển cơ cấu 3 loại rừng

- Diện tích rừng và đất lâm nghiệp: 426.977 ha, trong đó: Rừng đặc dụng 25.046 ha; rừng phòng hộ 133.253 ha; rừng sản xuất 268.677 ha.

- Quản lý, bảo vệ diện tích rừng hiện có. Trồng mới 770 ha rừng đặc dụng; Trồng bổ sung trên 5.000 ha rừng phòng hộ và trồng mới 30.000 ha rừng sản xuất.

- Quản lý, bảo vệ, nuôi dưỡng, khoanh nuôi tái sinh, làm giàu 62.778 ha rừng tự nhiên hiện có để sau 10-15 năm được khai thác; Xây dựng một số vùng trồng rừng gỗ lớn phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến với diện tích khoảng 15.000 ha (trong đó trồng mới 5.000 ha, trồng lại sau khai thác 10.000 ha).

4.2. Nâng cao giá trị gia tăng ngành Lâm nghiệp

4.2.1. Đối với rừng đặc dụng

- Bảo tồn nguyên trạng, tạo ra môi trường tốt nhất để bảo tồn và phát triển các loài động, thực vật, đặc hữu, quý hiếm, các hệ sinh thái rừng đặc thù nhằm nâng cao chất lượng rừng và giá trị đa dạng sinh học; bảo vệ các khu di tích lịch sử; văn hóa gắn với khai thác các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng...

- Tiến hành trồng rừng với những loài cây bản địa, đặc hữu, những loài cây có giá trị về bảo vệ nguồn gen và cảnh quan.

- Tổng diện tích trồng mới 768,5 ha; khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên bình quân 315,7 ha/năm (khoanh nuôi trong 5 năm), bảo vệ rừng bình quân 22.614,7 ha/năm.

4.2.2. Đối với rừng phòng hộ

- Phát triển rừng phòng hộ nhằm phát huy vai trò phòng hộ đầu nguồn; phòng hộ ven biển cho các công trình thủy điện, thủy lợi, tiếp tục trồng mới rừng ngập mặn đối với những diện tích bãi ngập triều có thể trồng rừng; phát triển rừng phòng hộ vành đai biên giới gắn với an ninh quốc phòng và ổn định đời sống dân cư.

- Rừng phòng hộ đầu nguồn 92.351,5 ha tiếp tục được làm giàu và nâng cao chất lượng rừng. Rừng phòng hộ ven biển 20.394,7 ha, những diện tích rừng tự nhiên chưa đủ mật độ tiến hành khoanh nuôi bảo vệ, trồng bổ sung, tiếp tục trồng mới rừng ngập mặn.

4.2.3. Đối với rừng sản xuất

- Đẩy mạnh việc khôi phục và phát triển rừng tự nhiên thông qua các biện pháp lâm sinh nuôi dưỡng và làm giàu rừng bằng cây đa tác dụng và lâm sản ngoài gỗ nhằm nâng cao giá trị của rừng và tăng thu nhập cho nhân dân các dân tộc. Cải tạo những diện tích rừng nghèo kiệt, tái sinh kém, hiệu quả kinh tế thấp.

- Chuyển dịch từng bước kinh doanh gỗ nhỏ cung cấp nguồn nguyên liệu

dăm giấy sang trồng rừng kinh doanh gỗ lớn cung cấp cho chế biến đồ mộc dân dụng và xuất khẩu, phát triển rừng trồng sản xuất chủ yếu theo hướng thâm canh, coi trọng năng suất và chất lượng; kết hợp sản xuất nông, lâm nghiệp, du lịch sinh thái và các dịch vụ môi trường rừng; ưu tiên phát triển các vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, kết hợp trồng cây gỗ lớn, cây gỗ nhỏ mọc nhanh, khuyến khích gây trồng các loài cây đa mục đích và lâm sản ngoài gỗ.

- Tập trung cải thiện giống và năng suất rừng trồng thông qua áp dụng công nghệ sinh học hiện đại và kỹ thuật thâm canh rừng.

- Phát triển mạnh trồng cây phân tán để đáp ứng kịp thời, có hiệu quả các nhu cầu gỗ gia dụng và củi cho địa phương.

- Khuyến khích tất cả thành phần kinh tế đầu tư phát triển rừng, xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung có quy mô nhằm bảo đảm nguyên liệu cho chế biến và tăng hiệu quả sử dụng đất. Khuyến khích các hình thức liên doanh, liên kết và thành lập các hợp tác xã lâm nghiệp.

Rừng trồng sản xuất trên địa bàn tỉnh, trong thời gian tới định hướng thành 3 vùng chính, cụ thể như sau:

- Vùng sản xuất gỗ nhỏ.
- Vùng sản xuất gỗ lớn.
- Vùng sản xuất dầu nhựa.

4.2.3. Cơ cấu loài cây trồng chính trong sản xuất lâm nghiệp

Ưu tiên chọn tập đoàn cây bản địa đa mục đích như: Lim xanh, Sến mật, Trám, Giỏi, Lát hoa... Đối với rừng sản xuất bố trí các loài cây trồng có năng suất cao: Keo các loại, Bạch đàn mỡ, Thông các loại, Hò; Quế ...

4.2.4. Vùng sản xuất lâm nghiệp

4.2.4.1. Vùng cây nguyên liệu gỗ cho sản xuất, xây dựng

* Vùng sản xuất gỗ nhỏ: Là vùng sản xuất, cung cấp nguyên liệu: gỗ mốp; gỗ dăm giấy... triển khai tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

* Vùng sản xuất gỗ lớn: Hình thành vùng sản xuất gỗ lớn tại Hoàn Bò, TP.Cẩm Phả, Vân Đồn, Ba Chẽ, Tiên Yên, Bình Liêu, ... với tổng diện tích: 16.280,2 ha (trong đó: diện tích chuyển hóa để kinh doanh gỗ lớn: 5.096,2 ha; Diện tích trồng mới: 8.757ha; diện tích trồng lại: 2.427 ha).

4.2.4.2. Vùng cây lâm nghiệp đặc sản

* Vùng cây lâm nghiệp đặc sản (quế, hò, tre nứa, vầu, ...) cho xuất khẩu: Bình Liêu, Ba Chẽ, Hoàn Bò, Đàm Hà...

* Vùng sản xuất dầu nhựa thông: tại các địa phương Uông Bí; Đông Triều; Vân Đồn, Bình Liêu ...

* Phát triển vùng trồng cây dược liệu, trồng dược liệu dưới tán rừng.

5. Lĩnh vực Thủy lợi

- Lập quy hoạch chi tiết thủy lợi đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.
- Phấn đấu hoàn thành chương trình nâng cấp đê biển theo Quyết định

58/2006/QĐ-TTg ngày 14/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đảm bảo đủ nước tưới cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, du lịch và cho sinh hoạt của nhân dân.

- Phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ số dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh trên 98% và cơ bản hoàn thành kiên cố hoá kênh mương.

- Đầu tư xây dựng Làm mới 14 hồ, sửa chữa 30 hồ chứa; làm mới 03 đập dâng, sửa chữa nâng cấp 35 đập dâng; sửa chữa nâng cấp 10 trạm bơm; sửa chữa nâng cấp 50 cống tiêu; nâng cấp 110 km đê kè; làm mới 20 và nâng cấp 25 hệ thống cấp nước sinh hoạt và đầu tư hệ thống quan trắc, cảnh báo lũ tại hồ chứa nước lớn trên địa bàn tỉnh.

6. Phát triển công nghiệp chế biến và ngành nghề nông thôn

6.1. Công nghiệp chế biến

- Tập trung ưu tiên đầu tư phát triển công nghiệp chế biến tinh, sâu; đổi mới công nghệ, thiết bị, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (GHP, GMP, HACCP, ISO kết hợp tổ chức sản xuất, tiêu thụ, nâng cao giá trị gia tăng. Đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị kết hợp với các biện pháp về tổ chức sản xuất, tiêu thụ hàng hóa nhằm nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu từ 50% hiện nay lên 70% vào năm 2020; giảm tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm thô.

- Nâng cấp, xây dựng mới các cơ sở giết mổ tập trung theo quy hoạch; sớm hoàn thành nhà máy chế biến sâu sản phẩm chăn nuôi tại Móng Cái, Hải Hà; xây dựng nhà máy chế biến thức ăn gia súc, gia cầm tại Đầm Hà, nâng cấp công nghệ, đầu tư thiết bị dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi tại các trang trại chăn nuôi tập trung gắn với liên kết phát triển vùng nguyên liệu (ngô, đậu tương, lạc, vùng trồng cỏ...).

- Đổi mới công nghệ, thiết bị của các cơ sở hiện có, sản xuất các sản phẩm theo hướng chế biến tinh, sâu; sớm chấm dứt xuất khẩu sản phẩm dăm gỗ. Thu hút đầu tư xây dựng nhà máy chế biến gắn với vùng nguyên liệu, đa dạng hoá các sản phẩm từ gỗ rừng trồng như: Ván MDP, ván ép thanh, ván sàn, ván ốp tường, bột giấy, đồ gỗ xuất khẩu...

- Thực hiện di dời các nhà máy chế biến thủy sản trong khu dân cư đô thị, đầu tư xây dựng mới các nhà máy chế biến hiện đại, đổi mới công nghệ bảo quản, chế biến; cải tiến công nghệ bảo quản đông cho nhóm sản phẩm có giá trị cao, công nghệ bảo quản thủy sản tươi sống bằng phương pháp sục khí oxy, ngu đông... Phát triển các nhà máy sản xuất bột cá, xúc tiến đầu tư nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu...

6.2. Ngành nghề nông thôn

Phấn đấu đến năm 2020, có 15 - 16 làng nghề được công nhận đạt tiêu chuẩn làng nghề cấp tỉnh. Xây dựng quy hoạch làng nghề với quy mô, cơ cấu sản phẩm, trình độ công nghệ hợp lý đủ sức cạnh tranh, thích hợp với điều kiện của từng vùng sinh thái, bảo vệ môi trường; gắn hoạt động kinh tế của các làng nghề với hoạt động dịch vụ du lịch và bảo tồn phát triển văn hóa truyền thống.

6.3. Đổi mới phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp

- Triển khai đồng bộ nhiều nội dung hoạt động đưa luật HTX năm 2012 vào cuộc sống; tổ chức triển khai thực hiện các đề án, kế hoạch và phát triển hợp tác xã (HTX) của tỉnh đảm bảo thiết thực hiệu quả.

- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về tổ chức, quản lý và hoạt động của HTX và các hình thức kinh tế hợp tác phù hợp với từng lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp, phi nông nghiệp, quỹ tín dụng gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Nâng cao năng lực cán bộ tổ hợp tác và HTX, có 100% cán bộ tổ hợp tác và HTX trong lĩnh vực nông nghiệp được đào tạo, tập huấn bồi dưỡng kiến thức quản lý nghiệp vụ chuyên môn. Đảm bảo các xã đạt chuẩn nông thôn mới có mô hình kinh tế hợp tác duy trì hoạt động hiệu quả đạt loại khá trở lên.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân của HTX đạt 5-7%/năm; đến năm 2020 thu nhập bình quân của người lao động trong các loại hình kinh tế tập thể trong nông nghiệp tăng từ 1,5 đến 2 lần so với năm 2015.

7. Đẩy mạnh thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới

Xây dựng Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn phù hợp với Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Tổ chức thực hiện có hiệu quả, từng bước bổ sung nguồn lực cho thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới một cách hiệu quả, bền vững. Huy động, lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đẩy mạnh đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng nông thôn, hạ tầng các khu quy hoạch sản xuất tập trung, đầu tư phát triển hệ thống cung cấp nước sạch, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường.

8. Nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Đẩy mạnh công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh; hàng năm phấn đấu đạt từ loại khá trở lên theo Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá xếp hạng công tác quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản tại các địa phương của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc kiểm tra để đánh giá, phân loại, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho 100% các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp quản lý. Khuyến khích, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân áp dụng các biện pháp quản lý chất lượng thực phẩm tiên tiến (GMP, GHP, VietGAP, HACCP...), đặc biệt tại các vùng sản xuất các sản phẩm nông nghiệp tập trung. Kết nối tiêu thụ sản phẩm nông sản thực phẩm an toàn với người tiêu dùng.

- Tăng cường công tác quản lý, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chất cấm trong chăn nuôi, chất kháng sinh trong nuôi trồng thủy sản; thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, xử lý các vi phạm pháp luật về sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản. Giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm theo chuỗi cung cấp thực phẩm thuộc lĩnh vực phân công quản lý.

IV. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Một số giải pháp trọng tâm

(1). **Đẩy mạnh tái cơ cấu, nâng cao giá trị và hiệu quả sản xuất, thúc đẩy tiêu thụ nông lâm thủy sản:**

- Tiến hành rà soát quy hoạch, cơ cấu sản xuất, xác định lựa chọn những cây trồng vật nuôi có lợi thế, có thị trường theo kịp thực tiễn phát triển; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

- Tập trung thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới; trên tinh thần “*Lấy công nghiệp, dịch vụ thúc đẩy nông nghiệp; lấy thành thị dẫn dắt nông thôn*” nhằm huy động tổng hợp các nguồn lực, nhất là từ các doanh nghiệp và nội lực của người nông dân để đầu tư, phát triển sản xuất ở nông thôn; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người nông dân.

- Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, đa dạng hóa sản phẩm nhằm phục vụ hỗ trợ cho ngành du lịch thông qua các sản phẩm nông sản; đa dạng hóa cơ cấu kinh tế nông thôn; Chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng tăng diện tích trồng các cây có giá trị kinh tế cao đồng thời duy trì một tỉ lệ thích hợp các cây lương thực để góp phần đảm bảo an ninh lương thực.

- Thực hiện cơ cấu lại giống cây trồng, vật nuôi: Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu trong sản xuất nông nghiệp theo hướng từ trồng trọt sang chăn nuôi theo hướng phát triển chăn nuôi công nghiệp gắn với khu giết mổ tập trung, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Hình thành các khu nông nghiệp công nghệ cao để tạo ra các loại giống, cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản chất lượng và có khả năng cạnh tranh cao; xây dựng các cơ sở sản xuất, cung cấp giống cây trồng, vật nuôi nhằm chủ động trong việc cung cấp các loại giống chất lượng tốt, tạo ra sản phẩm có giá trị cao trong ngành. Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp an toàn vệ sinh thực phẩm để đưa ngành chăn nuôi (lợn và gia cầm) trở thành một động lực tăng trưởng, chiếm tỷ trọng cao hơn trong ngành nông nghiệp.

- Hình thành 2 vùng sản xuất lâm nghiệp: Vùng cây nguyên liệu gỗ cho chế biến phục vụ xuất khẩu, cung cấp gỗ mỏ cho ngành than, gỗ xây dựng; vùng cây lâm nghiệp đặc sản phục vụ xuất khẩu (quế, hồi, thông nhựa); phát triển rừng trồng kinh doanh gỗ lớn, làm giàu rừng phòng hộ, đặc dụng, trồng rừng ngập mặn ven biển. Kết hợp giữa phát triển kinh tế rừng với mục tiêu giảm nghèo bền vững và thực hiện công tác bảo vệ rừng, phát triển trồng các cây gỗ lớn, bản địa.

- Đối với lĩnh vực nuôi trồng thủy sản: Phát triển nuôi trồng thủy sản, tập trung nuôi các sản phẩm chủ lực; chuyển dịch nuôi trồng thủy sản từ bán thâm canh, quảng canh sang thâm canh và mở rộng diện tích nuôi thâm canh gắn với công tác đảm bảo an toàn dịch bệnh. Đầu tư chuyển giao công nghệ sản xuất, nuôi trồng một giống mới có chất lượng; chú trọng quản lý tốt đầu vào về con giống và giống chủ động nguồn giống sạch bệnh để nâng cao hiệu quả kinh tế; phát triển khai thác thủy sản theo hướng tăng sản lượng khai thác xa bờ và giảm

sản lượng khai thác gần bờ, ưu tiên phát triển đội tàu đánh bắt xa bờ gắn với bảo vệ chủ quyền an ninh biển đảo; chú trọng đẩy mạnh quản lý vùng ven bờ.

- Tập trung chuyên đổi mô hình, cơ chế hoạt động đối với các Công ty lâm nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động; Thực hiện chính sách đặt hàng cho các nhiệm vụ khoa học; đặt hàng phương án tưới tiêu đối với các công ty thủy lợi.

(2). Tiếp tục hoàn thiện cơ chế ưu tiên các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp; Khuyến khích và thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn. Lấy doanh nghiệp giữ vai trò nòng cốt để phát triển nông nghiệp, tham gia liên kết theo chuỗi. Sắp xếp lại và đẩy mạnh triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp.

(3). Ưu tiên ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất giống chất lượng cao và chuyển giao, ứng dụng các quy trình, kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị, an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao sức cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu thị trường.

(4). Tăng cường xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu và quản lý chất lượng nông sản theo chuỗi; Tiếp tục thực hiện Chương trình mỗi xã phường một sản phẩm trên cơ sở các nguyên liệu nông sản chủ lực của tỉnh.

(5). Tái cơ cấu đầu tư công trong nông nghiệp; ưu tiên nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng sản xuất nông nghiệp nông thôn, nâng cao thu nhập, đảm bảo an sinh xã hội cho dân cư nông thôn; xây dựng nông thôn mới để hoàn thành các mục tiêu đề ra, khắc phục khoảng cách giàu nghèo tại các xã nằm trong chương trình 135 của tỉnh. Thực hiện tốt việc lồng ghép các Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình giảm nghèo, Đề án “*Nhiệm vụ, giải pháp đưa 22 xã và 11 thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, thoát khỏi chương trình 135 giai đoạn 2017-2020*”. Nâng cao chất lượng chương trình Nông thôn mới bằng mô hình nông thôn tiên tiến. Tập trung phát triển sản xuất thông qua chương trình mỗi xã phường một sản phẩm (giai đoạn 2017-2020); Phát triển toàn diện về kinh tế - xã hội các xã miền núi, xã đặc biệt khó khăn... Phân đấu đến năm 2020: 90% số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới.

(6). Tập trung đẩy mạnh và hoàn thiện các quy hoạch của ngành, lĩnh vực; Tăng cường công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh ATTP; công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, thực hành tiết kiệm chống lãng phí và phòng chống tham nhũng.

(7). Quản lý, bảo vệ và sử dụng các nguồn tài nguyên, môi trường bền vững, hiệu quả; phát triển thủy lợi, đầu tư hạ tầng, nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; chú trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; đẩy mạnh nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi và quản lý an toàn đập, hồ chứa, hệ thống đê sông, đê biển của tỉnh.

(8). Phối hợp với chính quyền, các tổ chức, đoàn thể ở địa phương tăng cường công tác vận động, tuyên truyền sâu rộng tới người dân bằng nhiều hình thức nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân trong các lĩnh vực của ngành như: Sử dụng và bảo vệ nguồn nước sạch, sử dụng nhà tiêu hợp

vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi, hợp vệ sinh, bảo vệ môi trường sống, bảo vệ các công trình thủy lợi; bảo vệ và trồng rừng; sản xuất trồng trọt, chăn nuôi áp dụng khoa học – công nghệ, cây giống, các mô hình sản xuất tiên tiến, đạt năng suất cao và đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm..., góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu của ngành đã đề ra cũng như đạt được các tiêu chí xây dựng nông thôn một cách hiệu quả, bền vững.

2. Tổ chức thực hiện

Các Đơn vị, Phòng, ban thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao và Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 08/9/2011 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ cho các Sở, Ban, Ngành nhiệm vụ hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2010 - 2020, tập trung triển khai thực hiện một số nội dung sau:

2.1. Đối với các phòng thuộc Sở

- Xây dựng Quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án; triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã được phê duyệt; thực hiện cổ phần hóa các công ty lâm nghiệp; thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở thành Công ty cổ phần.

- Phối hợp với các đơn vị thuộc Sở triển khai thực hiện công tác kêu gọi và xúc tiến đầu tư, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và các nhà đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp; thực hiện các chương trình hợp tác đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất Nông nghiệp.

- Phối hợp tổ chức thực hiện các quy trình, quy phạm, định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình kỹ thuật phục vụ các vùng sản xuất hàng hóa nông nghiệp tập trung, các sản phẩm OCOP, các sản phẩm nông sản tỉnh đã xây dựng thương hiệu gắn với chương trình thương hiệu Quảng Ninh; đề xuất triển khai thực hiện Quy hoạch khu Nông nghiệp công nghệ cao, gắn với quy hoạch cơ sở hạ tầng, quy hoạch vùng nguyên liệu và thương hiệu sản phẩm.

2.2. Đối với các đơn vị trực thuộc Sở

(1). Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

- Tổ chức chỉ đạo sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch các vùng sản xuất trồng trọt tập trung; hướng dẫn, kiểm tra, thực hiện các quy trình sản xuất an toàn, công nhận, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và thực hiện sản xuất trồng trọt theo hướng thực hành nông nghiệp tốt (GAP) trên địa bàn; Tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý dịch hại IPM; Đánh giá xếp loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón trên địa bàn Tỉnh.

- Tăng cường quản lý, kiểm soát cơ sở kinh doanh bảo vệ thực vật, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh; phối hợp triển khai thực hiện công tác quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất sản phẩm nông nghiệp.

(2). Chi cục Chăn nuôi và Thú y

- Triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung tỉnh Quảng Ninh; Quy hoạch hệ thống giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

- Triển khai Chương trình kế hoạch phòng chống dịch bệnh trên vật nuôi và thủy sản giai đoạn 2017-2020; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tiêm phòng vắc xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm và vật nuôi tại các địa phương trong tỉnh; thực hiện thanh kiểm tra công tác sản xuất, kinh doanh con giống, thức ăn chăn nuôi, kiểm soát giết mổ, phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản.

(3). Chi cục Kiểm lâm

- Quản lý tốt quy hoạch 3 loại rừng, tập trung quản lý và phát triển rừng theo hướng bền vững; Tăng cường và chủ động công tác phòng, chống cháy rừng, rà soát các dự án sử dụng diện tích đất rừng phòng hộ, đặc dụng phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng để dành quỹ đất cho các dự án phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Thực hiện xây dựng và triển khai thực hiện các dự án bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh; thực hiện dự án trồng rừng ngập mặn sử dụng nguồn vốn biến đổi khí hậu, dự án nâng cao năng lực PCCCR và BVR cấp bách tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2015-2019; Triển khai kế hoạch trồng rừng kinh doanh gỗ lớn tại các địa phương; trồng rừng phòng hộ, đặc dụng để nâng cao chất lượng rừng, trồng cây lâm sản ngoài gỗ có giá trị dưới tán rừng, phát triển vùng trồng cây dược liệu.

(4). Chi cục Thủy sản

- Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn triển khai khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Đàm Hà, Trung tâm sản xuất Nhuyễn thể tại Vân Đồn; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao nhằm tạo ra sản phẩm sạch, có chất lượng; tăng cường quản lý chất lượng giống và kiểm soát dịch bệnh.

- Hoàn chỉnh rà soát tổng thể quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản; tập trung quản lý quy hoạch và thực hiện quy hoạch các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại các địa phương.

- Xây dựng kế hoạch chuyển đổi nuôi trồng thủy sản theo hướng quảng canh sang nuôi thâm canh đối với các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao tại các vùng sản xuất hàng hóa nông nghiệp tập trung đã được xây dựng thương hiệu.

- Rà soát lại đội tàu đánh bắt cá xa bờ, từng bước xây dựng kế hoạch, lộ trình để có phương án đánh bắt hải sản thuộc ngư trường vùng biển của Quảng Ninh.

- Rà soát lại toàn bộ diện tích khu vực hồ, ao nước ngọt tại một số địa phương có lợi thế như: Đông Triều, Quảng Yên..., trên cơ sở đó tạo điều kiện hướng dẫn người nông dân khai thác, phát huy lợi thế để nuôi cá nước ngọt, giữ nguồn nước ngọt và hỗ trợ nông dân trong phát triển sản xuất, ổn định đời sống, tăng thu nhập.

- Tổ chức thực hiện quy chế quản lý, giao và cho thuê bãi triều, mặt nước để nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh; tiếp tục triển khai kế hoạch thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP và Nghị định 89/2015/NĐ-CP của Chính phủ về Phát triển Thủy sản.

(5). Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản

- Tăng cường công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm trên các sản phẩm nông sản trên địa bàn tỉnh; xây dựng và triển khai Đề án nâng cao năng lực quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến 2020.

- Triển khai thực hiện Dự án phát triển chuỗi cung cấp thực phẩm một số sản phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Xây dựng, triển khai Kế hoạch năm cao điểm hành động vệ sinh ATTP trong nông nghiệp và thực hiện kế hoạch giám sát ATTP các sản phẩm nông lâm thủy sản chủ lực trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; tăng cường thanh tra đột xuất về ATTP nông lâm thủy sản; Thống kê, xếp loại, kiểm tra định kỳ cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản; tái kiểm tra cơ sở xếp loại C; chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

(6). Chi cục Thủy lợi

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đảm bảo an toàn các công trình hồ chứa nước, đê điều, chú trọng quản lý các công trình hồ chứa nước để bảo vệ, giữ nguồn nước ngọt phục vụ cấp nước sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp như Hồ chứa nước Yên Lập, Cao Vân, Chúc Bài Sơn và các hồ hiện tại của các địa phương trong tỉnh; rà soát tổng thể hệ thống hồ, đập, đê điều để có kế hoạch xây dựng, bảo trì theo kế hoạch hàng năm.

- Tham mưu xây dựng và phối hợp hướng dẫn triển khai thực hiện cơ chế, chính sách, biện pháp quản lý khai thác, sử dụng và bảo vệ các công trình nước sạch nông thôn.

- Triển khai thực hiện kế hoạch phòng chống thiên tai, đề xuất các giải pháp hiệu quả, sát thực tế, chủ động nắm bắt thông tin kịp thời tham mưu cho Lãnh đạo tỉnh về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, bão, lụt.

(7). Chi cục Phát triển nông thôn

- Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch về phát triển kinh tế hợp tác nông, lâm, ngư nghiệp, kinh tế hộ, kinh tế trang trại, liên kết trong nông nghiệp sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tập trung thực hiện di dân tổng thể ra khỏi vùng sạt lở, ngập lụt nguy hiểm và quy hoạch bố trí dân cư phòng chống thiên tai kế hoạch năm 2017 theo Quyết định 1357/QĐ-UBND ngày 4/5/2016 của UBND tỉnh.

- Tham mưu xây dựng và phối hợp triển khai thực hiện cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác nông, lâm, ngư nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn; tham mưu tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, chương trình giảm nghèo; phối hợp với các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện chương trình phát triển sản xuất nông nghiệp tại 22 xã đặc biệt khó khăn; triển khai hướng dẫn các địa phương trình tự thực hiện chuyển đổi HTX nông nghiệp theo Luật 2012, xây dựng và triển khai thực hiện mô hình điểm về đổi mới kinh tế tập thể.

(8). Trung tâm Khuyến nông

- Hướng dẫn các địa phương áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, đặt biệt sản xuất nông nghiệp các 17 vùng sản xuất Nông nghiệp tập trung.

- Triển khai thực hiện các chương trình đề án, dự án nguồn vốn xây dựng nông thôn mới; thực hiện các mô hình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư ứng dụng áp dụng quy trình kỹ thuật mới, công nghệ mới.

(9). Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn

- Thực hiện công tác theo dõi đánh giá Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn nông thôn trên địa bàn tỉnh; Quản lý, khai thác, vận hành các công trình cấp nước tập trung nông thôn được giao; tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác vận hành công trình cấp nước nông thôn tập chung thuộc Chương trình Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng vay vốn ngân hàng thế giới.

- Tiếp tục triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia về nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn dựa trên kết quả tại 08 tỉnh đồng bằng sông hồng vay vốn ngân hàng thế giới.

- Triển khai thực hiện Đề án quản lý công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung sau đầu tư; bàn giao các công trình cấp nước nông thôn tập trung đã đưa vào hoạt động cho Công ty nước sạch Quảng Ninh.

- Thực hiện công tác Thông tin - Giáo dục - Truyền thông, vận động nhân dân sử dụng nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới cho năm 2017 và giai đoạn 2016 - 2020, của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, yêu cầu các đơn vị triển khai, phối hợp tổ chức thực hiện có hiệu quả và báo cáo kết quả thực hiện về Sở vào ngày 20 hàng tháng để theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Xây dựng NTM tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở (T/hiện);
- Lưu: VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Công Đăng